

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23/03/2018
V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thìn.

2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B – tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2364/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Nguyễn Yến N** – sinh năm 1996.

Địa chỉ: khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Quang B** – sinh năm 1992.

Địa chỉ: khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà N, ông B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/10/2017, tại bản tự khai bà Phạm Nguyễn Yến N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Quang B kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, hôn nhân là tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà làm đơn xin được ly hôn với ông B để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Phạm Nhật H – sinh ngày 03/3/2015. Khi ly hôn, bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Tạm thời không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 10/01/2018, bị đơn ông Nguyễn Quang B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà N kết hôn năm 2014, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống cũng có hạnh phúc, nhưng vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Lý do ly thân là do hai vợ chồng không hợp nhau. Nay bà N xin ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Phạm Nhật H – sinh ngày 03/3/2015. Khi ly hôn, ông đồng ý để bà N trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Tạm thời ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà N đối với ông B; Về con chung: giao cháu H cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông B không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Do các bên đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết; Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết. Bà N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Nguyễn Yến N và ông Nguyễn Quang B đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Nguyễn Yến N và ông Nguyễn Quang B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân phường T, thành phố B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 212/2014, quyền số 02/2014 ngày 26/9/2014 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà N, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Phạm Nguyễn Yến N xin được ly hôn với ông B do từ năm 2016 vợ chồng nảy sinh

mâu thuẫn, không còn tình cảm với ông B. Ông B cũng đồng ý vì vợ chồng đã ly thân từ 2016 cho đến nay do tính tình không hợp. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông B đã thật sự trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn xin ly hôn của bà N, cho ly hôn giữa bà N và ông B.

[3] Về con chung: Bà N và ông B có 01 con chung là cháu Nguyễn Phạm Nhật H – sinh ngày 03/3/2015. Bà N xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu cấp dưỡng. Ông B cũng đồng ý để bà N trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, ông không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, giao cháu H cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và tạm thời ông B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Theo bà N trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông B trình bày không có. Do đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét chung trong vụ án này.

[5] Về nợ chung: Bà N và ông B trình bày không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Nguyễn Yến N và ông Nguyễn Quang B.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phạm Nhật H – sinh ngày 03/3/2015 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Theo bà N trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông B trình bày không có. Do đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét chung trong vụ án này.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà Phạm Nguyễn Yến N phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 003252 ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà N đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B;
- Chi cục THADS TP.B;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường T thành phố B, Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Loan Trần Hải Yến